

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị L với anh H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Nam;

Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Diệu L, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 4, tổ dân phố Đ, phường B, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Ngọc A - Công ty Luật TNHH K và công sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

- Bị đơn: anh Trần Thế H, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Diệu L trình bày:

Chị và anh Trần Thế H kết hôn ngày 18/6/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh H ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 9/2019, chị sinh con và chuyển về gia đình bố mẹ đẻ ở, còn anh H vẫn ở tại xã A, huyện T. Trong thời gian này anh H có nghi ngờ chị có quan hệ bất chính nên thường xuyên có lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị cùng gia đình chị, nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019. Kể từ khi con Ch sinh ra đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị làm công nhân tại Ph, Thái Nguyên thu nhập hàng tháng từ 11.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2022 và những lời khai tiếp theo, anh Trần Thế H trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị L về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị L có quan hệ bất chính, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị L không nghe. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019, hiện cháu đang được chị L nuôi dưỡng. Ly hôn anh xác định chị L không có nhân phẩm và đạo đức tốt để nuôi con. Do đó, anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm ăn tại địa phương, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/ tháng, nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H có có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh H đã trầm trọng, chị L đề nghị ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H. Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019, kể từ khi cháu Ch sinh ra cho đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi con, cháu Ch phát triển tốt về mọi mặt. Hiện chị L đang làm tại Công ty Khương Phúc, thu nhập từ 11.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng và đang ở cùng mẹ tại Ph. Do đó, chị L có đủ điều kiện về chỗ ở cũng như thu nhập để nuôi con. Mặt khác, hiện cháu Ch dưới 36 tháng tuổi, nên đề nghị Tòa án giao cho chị L nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền

hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, xử:

Cho chị Phạm Thị Diệu L được ly hôn với anh Trần Thế H.

Con chung: giao cho chị L nuôi con Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về tình cảm vợ chồng: chị Phạm Thị Diệu L kết hôn cùng anh Trần Thế H ngày 18/6/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H. Anh H cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh cũng nhất trí ly hôn với chị L. Như vậy, vợ chồng chị L, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị L được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019. Hiện nay, con chung đang được chị L cùng bà ngoại nuôi dưỡng tại phường B, thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên. Nay chị L xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên chị nhận nuôi con. Anh H cho rằng chị L có quan hệ bất chính nên không đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, anh nhận nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có nộp bảng lương, theo đó thu nhập của chị L dao động từ 11 đến 16 triệu đồng/ tháng, anh H trình bày có thu nhập hàng tháng khoảng 15 triệu đồng. Mặt khác, con chung của anh chị đang được chị L cùng bà ngoại nuôi dưỡng tại thị xã Ph, tỉnh Thái Nguyên, cháu Ch phát triển tốt về mọi mặt và hiện cháu Ch dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Diệu L được ly hôn với anh Trần Thế H.

2. Về con chung: giao cho chị Phạm Thị Diệu L trực tiếp nuôi con Trần Diệu Ch, sinh ngày 30/9/2019. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0011533 ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy